

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 233 /2012/TT-BTC

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2012

THÔNG TƯ

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ trạm thu phí BOT và trạm chuyển giao quyền thu phí

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 2250/TTg-KTN ngày 28/12/2012 về xử lý, sắp xếp các trạm thu phí đường bộ khi Quý bảo trì đường bộ đi vào hoạt động;

Theo đề xuất của Bộ Giao thông vận tải tại công văn số 10460/BGTVT-TC ngày 10/12/2012;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ trạm thu phí BOT và trạm chuyển giao quyền thu phí, như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ các trạm thu phí chuyển giao quyền thu phí (gồm: trạm thu phí số 2, trạm thu phí Nam Cầu Giẽ, trạm thu phí Hoàng Mai và trạm thu phí Bàn Thạch trên quốc lộ 1) và trạm thu phí hỗ trợ hoàn vốn BOT (gồm: 02 trạm thu phí trên quốc lộ 5, trạm thu phí Tiên Cự quốc lộ 10, trạm thu phí Phả Lại quốc lộ 18 và trạm thu phí Ninh An quốc lộ 1).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng thu phí sử dụng đường bộ tại các trạm thu phí quy định tại Điều 1 Thông tư này thực hiện theo quy định tại mục III phần I Thông tư số 90/2004/TT-BTC ngày 07/9/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn

chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Điều 3. Biểu mức thu

Ban hành kèm theo Thông tư này Biểu mức thu phí sử dụng đường bộ tại các trạm thu phí quy định tại Điều 1 Thông tư này. Mức thu phí không bao gồm thuế giá trị gia tăng, trừ mức thu áp dụng tại trạm thu phí Ninh An đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Điều 4. Chứng từ thu phí

Chứng từ thu phí đường bộ sử dụng đường bộ tại các trạm thu phí quy định tại Điều 1 Thông tư này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 153/2010/TT-BTC ngày 28/9/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc in, phát hành và sử dụng hoá đơn bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ và Thông tư số 153/2012/TT-BTC ngày 17/9/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước.

Điều 5. Quản lý, sử dụng tiền phí thu được

1. Đối với trạm chuyên giao quyền thu phí: Việc quản lý và sử dụng tiền phí thu được thực hiện theo quy định tại các Hợp đồng chuyển giao quyền thu phí đã được ký kết giữa cơ quan quản lý nhà nước và Nhà đầu tư. Đối với trạm thu phí hỗ trợ dự án BOT: Việc quản lý và sử dụng tiền phí thu được thực hiện theo quy định tại Hợp đồng BOT và các văn bản phê duyệt của cơ quan quản lý nhà nước đối với từng trạm thu phí (như cơ chế tài chính các trạm thu phí đang thực hiện).

2. Việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí sử dụng đường bộ qua trạm thu phí không đề cập tại Thông tư này được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí, Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002, Thông tư số 90/2004/TT-BTC ngày 07/9/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ, Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế, hướng dẫn Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và Nghị định số 106/2010/NĐ-CP ngày 18/10/2010 của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2013.

2. Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng nộp phí, đơn vị được Bộ Giao thông vận tải giao nhiệm vụ tổ chức thu phí sử dụng đường bộ các trạm thu phí quy định tại Điều 1 Thông tư này và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao,;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP Ban CĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Website chính phủ;
- Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Tổng cục Đường bộ Việt Nam;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (CST5).



Vũ Thị Mai



**BIỂU MỨC THU PHÍ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ CÁC TRẠM THU
PHÍ BOT VÀ TRẠM CHUYÊN GIAO QUYỀN THU PHÍ**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 233/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

Số TT	Phương tiện chịu phí đường bộ	Mệnh giá		
		Vé lượt (đồng/vé/lượt)	Vé tháng (đồng/vé/tháng)	Vé quý (đồng/vé/quý)
1	Xe dưới 12 ghế ngồi, xe tải có tải trọng dưới 2 tấn và các loại xe buýt vận tải khách công cộng	10.000	300.000	800.000
2	Xe từ 12 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi; Xe tải có tải trọng từ 2 tấn đến dưới 4 tấn	15.000	450.000	1.200.000
3	Xe từ 31 ghế ngồi trở lên; Xe tải có tải trọng từ 4 tấn đến dưới 10 tấn	22.000	660.000	1.800.000
4	Xe tải có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 18 tấn và xe chở hàng bằng Container 20 fit	40.000	1.200.000	3.200.000
5	Xe tải có tải trọng từ 18 tấn trở lên và xe chở hàng bằng Container 40 fit	80.000	2.400.000	6.500.000

Ghi chú:

- Tải trọng của từng loại phương tiện áp dụng mệnh giá trên là tải trọng theo thiết kế (trọng tải hàng hoá), căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký xe do cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Đối với việc áp dụng mức thu phí đối với xe chở hàng bằng Container (bao gồm cả đầu kéo moóc chuyên dùng): Áp dụng mức thu theo tải trọng thiết kế của xe, không phân biệt có chở hàng hay không chở hàng, kể cả trường hợp chở hàng bằng Container có tải trọng ít hơn tải trọng thiết kế vẫn áp dụng mức thu theo tải trọng thiết kế./.